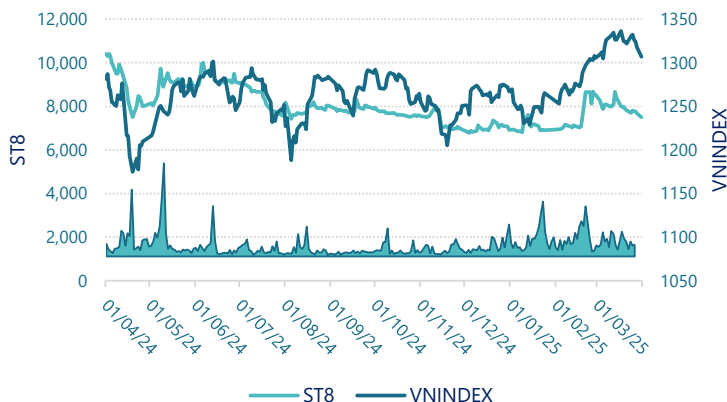




CTCP Tập đoàn ST8 (HSX: ST8)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	7,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	10,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,780
SL cổ phiếu LH	25,720,902
KLGD BQ 20 phiên (CP)	637,035
% sở hữu nước ngoài	0.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	193
P/E	8.9
EPS	845

DT thuần

Q1/25

245

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 76.0 | 44.9%

YoY: ▲ 231 | 1613%

LN sau thuế

Q1/25

-1.96

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 4.99 | -165%

YoY: ▼ 2.70 | -365%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

7.3%

+/- YoY: ▼ 32.0%

DT thuần

2024

473

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 460 | 3480%

LN sau thuế

2024

24.0

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 20.1 | 519%

ROE

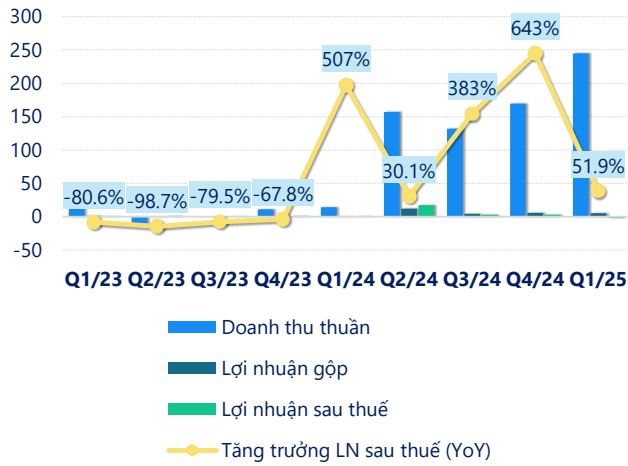
2024

7.6%

+/- YoY: ▲ 6.2%

tỷ VNĐ

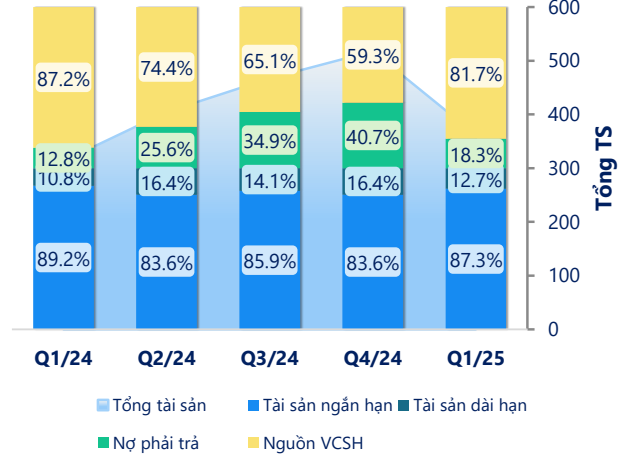
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

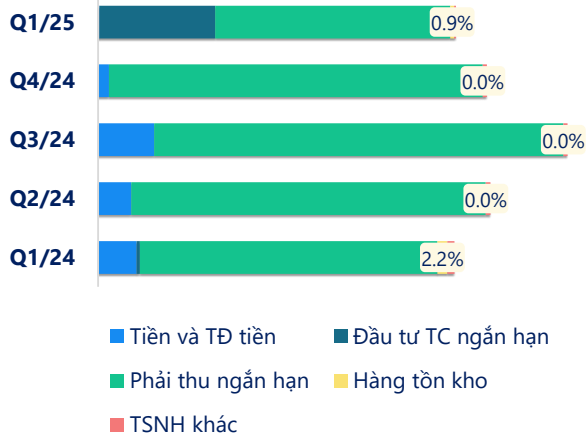
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



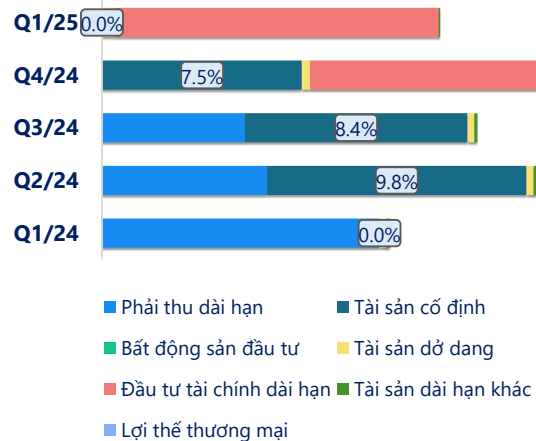
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

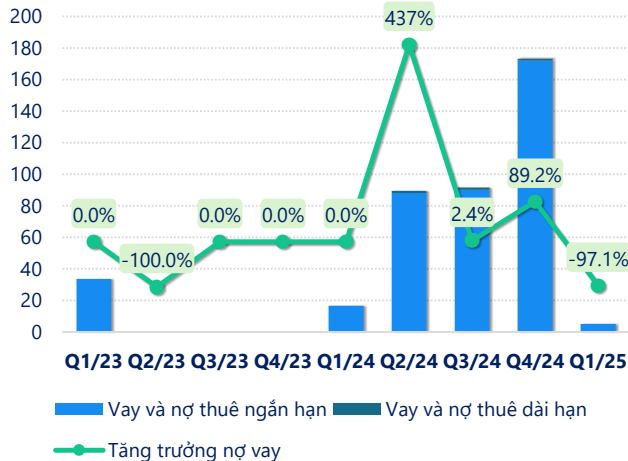
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

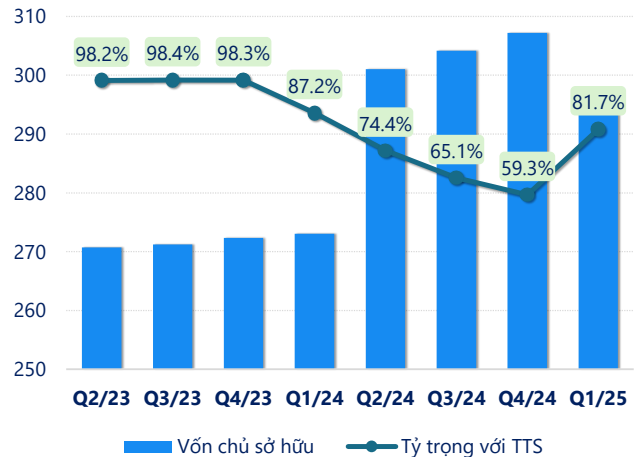
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

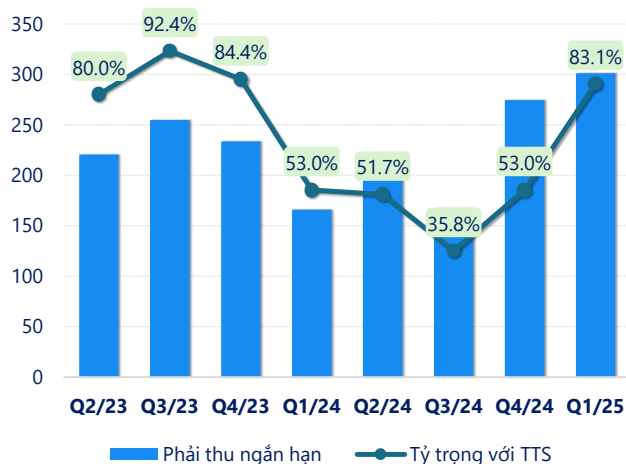
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



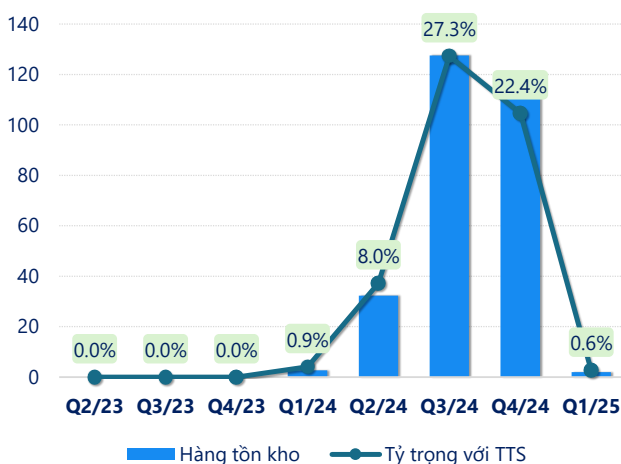
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


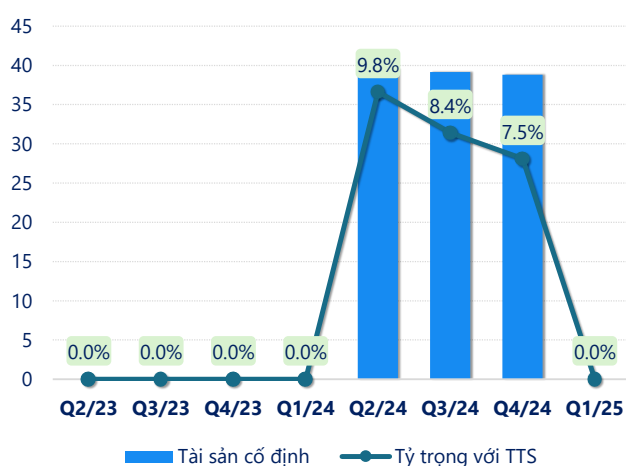
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


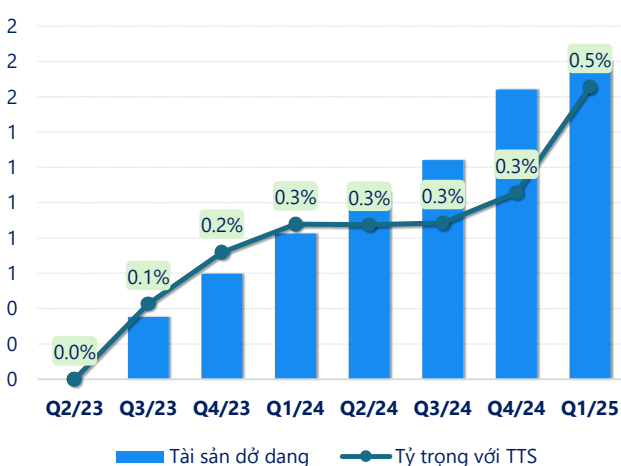
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

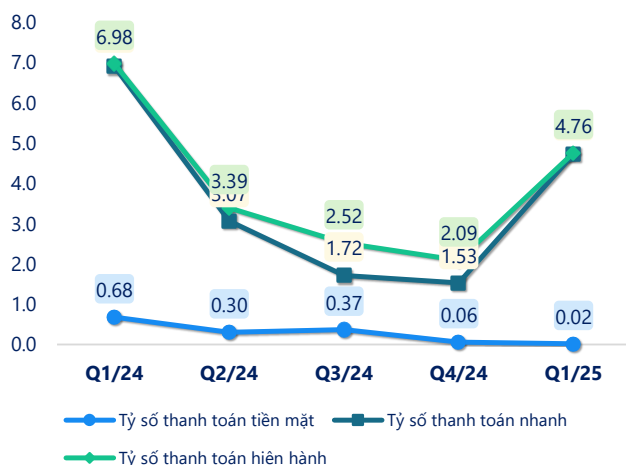
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

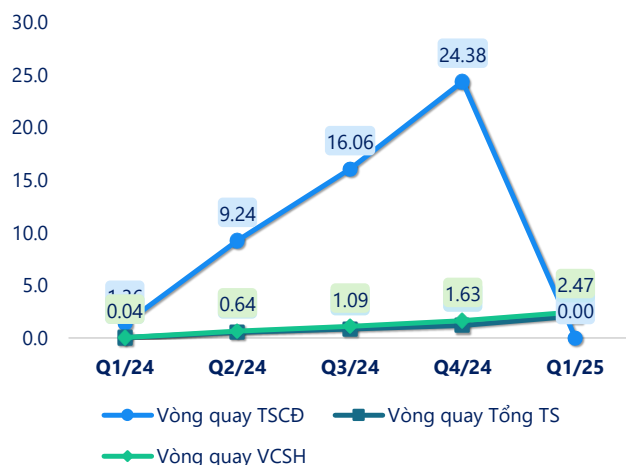
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	313	405	467	518	362
Tài sản ngắn hạn	279	338	401	433	316
Tiền và tương đương tiền	27.2	30.3	59.1	12.8	1.17
Đầu tư tài chính ngắn hạn	81.8	60.9	42.3	25.1	11.7
Phải thu ngắn hạn	166	209	167	275	301
Hàng tồn kho	2.72	32.3	128	116	2.02
Tài sản ngắn hạn khác	1.43	5.48	5.46	4.18	0.23
Tài sản dài hạn	34.0	66.3	66.0	85.0	46.1
Phải thu dài hạn	32.7	25.1	25.1	0.11	0
Tài sản cố định	0	39.5	39.2	38.8	0
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.82	1.06	1.24	1.64	1.80
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	44.1	44.1
Tài sản dài hạn khác	0.46	0.59	0.51	0.35	0.20
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	40.0	104	163	211	66.4
Nợ ngắn hạn	40.0	99.7	159	207	66.4
Vay và nợ thuê ngắn hạn	16.7	88.1	90.2	172	5.00
Phải trả người bán ngắn hạn	4.70	5.34	61.0	23.0	55.3
Nợ dài hạn	0	3.81	3.79	3.60	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	1.37	1.37	1.20	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	273	301	304	307	296
Vốn chủ sở hữu	273	301	304	307	296
Vốn điều lệ	257	257	257	257	257
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)